

Số: /SXD-VP

Đồng Nai, ngày tháng năm 2022

V/v thông báo tiêu chí đánh giá công vụ trong lĩnh vực xây dựng đối với các phòng Kinh tế và Hạ tầng, phòng Quản lý đô thị các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa trong lĩnh vực xây dựng.

Kính gửi: Phòng Kinh tế và Hạ tầng, phòng Quản lý đô thị các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 28/3/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định về đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

Thực hiện Công văn số 1152/SNV-TCCQ ngày 07/4/2022 của Sở Nội vụ về triển khai Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 28/3/2022 của UBND tỉnh ban hành quy định về đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Sở Xây dựng đã xây dựng dự thảo tiêu chí đánh giá công vụ theo chức năng chuyên ngành đối với các phòng Kinh tế Hạ tầng, phòng Quản lý đô thị các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và lấy ý kiến góp ý của các đơn vị tại Văn bản số 3314/SXD-VP ngày 14/10/2022.

Đến nay, Sở Xây dựng đã nhận được văn bản góp ý của 04 đơn vị, địa phương (gồm: 1 đơn vị có ý kiến và 03 đơn vị thống nhất) đối với tiêu chí đánh giá công vụ theo chức năng chuyên ngành (*bảng tổng hợp kèm theo*) đối với các đơn vị còn lại không có ý kiến xem như thông nhất.

Trên cơ sở ý kiến, góp ý của các đơn vị, địa phương, Sở Xây dựng đã hoàn thiện bảng tiêu chí đánh giá công vụ theo chức năng chuyên ngành xây dựng đối với phòng Kinh tế Hạ tầng, phòng Quản lý đô thị các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Sở Xây dựng thông báo tiêu chí đánh giá công vụ trong lĩnh vực xây dựng đối phòng Kinh tế và Hạ tầng, phòng Quản lý đô thị các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa như sau:

1. Tiêu chí đánh giá công vụ.

1.1. Các lĩnh vực đánh giá công vụ

Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND, Sở Xây dựng xây dựng tiêu chí đánh giá công vụ trong lĩnh vực xây dựng gồm 03 nội dung sau:

- Quản lý trật tự xây dựng ;
- Báo cáo Chương trình kế hoạch phát triển nhà ở, nhà ở xã hội và nhà ở cho công nhân;
- Quản lý Chất lượng công trình và vật liệu xây dựng

- Lĩnh vực Quản lý Xây dựng;
- Lĩnh vực quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng
- Công tác báo cáo, phối hợp xử lý công việc về lĩnh vực quản lý hạ tầng kỹ thuật, phát triển đô thị;

1.2. Nội dung, thang điểm đánh giá công vụ trong từng lĩnh vực

Đánh giá công vụ được thực hiện trong từng lĩnh vực với nội dung cụ thể theo thang điểm 100 (*Bảng phụ lục kèm theo*).

Mức độ hoàn thành công vụ đối với từng lĩnh vực được đánh giá như sau:

- Đạt từ 90 đến 100 điểm: xếp loại A+.
- Đạt từ 80 đến dưới 90 điểm: xếp loại A.
- Đạt từ 60 đến dưới 80 điểm: xếp loại B.
- Dưới 60 điểm: xếp loại C.

2. Tổng hợp điểm và kết quả đánh giá công vụ.

2.1. Phương pháp tổng hợp

Trên cơ sở mức độ hoàn thành công vụ của từng lĩnh vực, Sở Xây dựng đánh giá và xác định mức độ hoàn thành công vụ chung của từng đơn vị.

- Đối với mức hoàn thành công vụ từng lĩnh vực sẽ được quy đổi thành điểm như sau:

- + Mức A+: 3 điểm;
- + Mức A: 2 điểm;
- + Mức B: 1 điểm;
- + Mức C: 0 điểm.

- Điểm đánh giá mức độ hoàn thành công vụ chung của Sở Xây dựng đối với các đơn vị như sau:

Điểm đánh giá = (tổng điểm quy đổi của mức hoàn thành công vụ từng lĩnh vực) : (6 nội dung đánh giá).

2.2. Kết quả đánh giá công vụ đối với các đơn vị, địa phương được xác định như sau:

- + Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, mức A+: **Điểm đánh giá** từ 2,5 điểm trở lên.
- + Hoàn thành tốt nhiệm vụ, mức A: **Điểm đánh giá** từ 1,5 điểm đến dưới 2,5 điểm.
- + Hoàn thành nhiệm vụ, mức B: **Điểm đánh giá** từ 0,5 điểm đến dưới 1,5 điểm.
- + Không hoàn thành nhiệm vụ, mức C: **Điểm đánh giá** dưới 0,5 điểm.

Trên đây là Thông báo của Sở Xây dựng về tiêu chí đánh giá công vụ đối với các phòng Kinh tế Hạ tầng, phòng Quản lý đô thị các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa trong lĩnh vực xây dựng. Bảng tiêu chí này được đăng tải công khai trên mạng thông tin điện tử của Sở Xây dựng tại địa chỉ: <http://sxd.dongnai.gov.vn>, mục văn bản điều hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Ban Giám đốc Sở;
- Các phòng thuộc sở;
- Trang TTĐT Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, VP.Ng

GIÁM ĐỐC

Hồ Văn Hà

Đồng Nai, ngày tháng năm 2022

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CÔNG VỤ TRONG LĨNH VỰC XÂY DỰNG ĐỐI VỚI CÁC PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG, PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

TT	LĨNH VỰC/ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	TỔNG ĐIỂM	GHI CHÚ
	1. Quản lý trật tự xây dựng (Thanh tra sở)	100	
1.1	Phối hợp thực hiện nhiệm vụ	20	
1.1.1	Tốt đạt yêu cầu	20	
1.1.2	Tốt chưa đạt yêu cầu	15	
1.1.3	Chưa tốt	12	
1.2	Chế độ thông tin báo cáo	0	
1.2.1	Đúng hạn đạt yêu cầu	20	
1.2.1	Đúng hạn đạt yêu cầu	20	
1.2.2	Đúng hạn chưa đạt yêu cầu	16	
1.2.3	Trễ hạn	12	
1.3	Góp ý các đề án, chương trình, kế hoạch	10	
1.3.1	Đúng hạn đạt yêu cầu	10	
1.3.2	Đúng hạn chưa đạt yêu cầu	8	
1.3.3	Trễ hạn	6	
1.4	Tình trạng vi phạm trật tự xây dựng	30	
1.4.1	Thấp, có xử lý vi phạm hành chính	30	
1.4.2	Trung bình, có xử lý vi phạm	25	
1.4.3	Cao, có xử lý vi phạm hành chính	20	
1.5	Tình trạng đơn thư khiếu kiện	20	
1.5.1	Giải quyết kịp thời, đúng thời gian quy định trên 90%	20	
1.5.2	Giải quyết kịp thời, đúng quy định từ 70%-90%	15	
1.5.3	Giải quyết kịp thời, đúng quy định từ 50%- đến dưới 70%	10	
1.5.4	Giải quyết kịp thời, đúng quy định dưới 50%	0	
2.	Báo cáo Chương trình kế hoạch phát triển nhà ở, nhà ở xã hội và nhà ở cho công nhân (Phòng Quản lý nhà và Thị Trường bất động sản)	100	

2.1	Đúng hạn đạt yêu cầu	100	
2.2	Đúng hạn chưa đạt yêu cầu	80	
2.3	Trễ hạn	60	
2.4	Không báo cáo	0	
3	Quản lý Chất lượng công trình và vật liệu xây dựng (Phòng Quản lý Chất lượng xây dựng)	100	
3.1	Phối hợp thực hiện nhiệm vụ	30	
3.1.1	Tốt (đạt yêu cầu về thời gian và chất lượng)	30	
3.1.2	Tốt chưa đạt về yêu cầu hoặc thời gian	20	
3.1.3	Chưa tốt	15	
3.1.4	Không phối hợp	0	
3.2	Chế độ thông tin báo cáo (Báo cáo thống kê ngành xây dựng)	40	
3.2.1	Đúng hạn đạt yêu cầu	40	
3.2.2	Đúng hạn chưa đạt yêu cầu	30	
3.2.3	Trễ hạn	20	
3.2.4	Không báo cáo	0	
3.3	Góp ý đề án chương trình kế hoạch	30	
3.3.1	Đúng hạn đạt yêu cầu	30	
3.3.2	Đúng hạn chưa đạt yêu cầu	20	
3.3.3	Trễ hạn	15	
3.3.4	Không báo cáo	0	
4	Lĩnh vực quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng (Phòng QLQHKT)	100	
4.1	Công tác báo cáo	20	
4.1.1	Báo cáo đúng hạn	20	
4.1.1.1	Báo cáo đúng hạn đạt yêu cầu	20	
4.1.1.2	Báo cáo đúng hạn chưa đạt yêu cầu	16	
1.2	Báo cáo trễ hạn	5	
1.3	Không báo cáo	0	
4.2	Công tác phối hợp	15	
2.1	Đạt yêu cầu	15	
2.2	Không đạt yêu cầu	0	
4.3	Công tác lập Quy chế quản lý kiến trúc	25	
4.3.1	Lập quy chế đô thị	15	
4.3.1.1	Đúng tiến độ	15	
4.3.1.2	Trễ tiến độ	10	

4.3.2	Lập quy chế điểm dân cư nông thôn	10	
4.3.2.1	Đúng tiến độ	10	
4.2.3.2	Trễ tiến độ	5	
4.4	Công tác lập quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng	40	
4.1	Lập quy hoạch chung đô thị	20	
4.1.1	Đúng tiến độ	20	
4.1.2	Trễ tiến độ	10	
4.2	Lập quy hoạch phân khu đô thị (nếu có)	10	
4.2.1	Đúng tiến độ	10	
4.2.2	Trễ tiến độ	5	
4.3	Lập, phê duyệt quy hoạch nông thôn (nếu có)	10	
4.3.1	Đúng tiến độ	10	
4.3.2	Trễ tiến độ	5	
5	Lĩnh vực Quản lý Xây dựng (Phòng QLXD)	100	
5.1	Chế độ thông tin báo cáo trong lĩnh vực hoạt động xây dựng	50	
5.1.1	Báo cáo đúng hạn – nội dung đạt yêu cầu	50	
5.1.2	Báo cáo trễ hạn – nội dung đạt yêu cầu	30	
5.1.3	Báo cáo đúng hạn – nội dung chưa đạt yêu cầu	20	
5.1.4	Báo cáo trễ hạn – nội dung không đạt yêu cầu hoặc không báo cáo	0	
5.2	Phối hợp thực hiện nhiệm vụ (góp ý kiến thuộc các lĩnh vực hoạt động xây dựng theo yêu cầu của Sở Xây dựng hoặc tham gia các buổi kiểm tra, các cuộc họp do Sở Xây dựng tổ chức)	50	
5.2.1	Thực hiện trên 95% số lượng văn bản lấy ý kiến và giấy mời.	50	
5.2.2	Thực hiện trên 70% số lượng văn bản lấy ý kiến và giấy mời.	30	
5.2.3	Thực hiện trên 50% số lượng văn bản lấy ý kiến và giấy mời.	20	
5.2.4	Thực hiện dưới 50% số lượng văn bản lấy ý kiến và giấy mời.	0	
6	Công tác báo cáo, phối hợp xử lý công việc về lĩnh vực quản lý hạ tầng kỹ thuật, phát triển đô thị (Phòng QLHTĐT)	100	
6.1	Báo cáo đúng hạn – nội dung đạt yêu cầu	100	
6.2	Báo cáo đúng hạn – nội dung chưa đạt yêu cầu	50	

6.3	Báo cáo trễ hạn – nội dung đạt yêu cầu		
6.3.1	Trễ từ 05 ngày trở xuống	50	
6.3.2	Trễ trên 05 ngày	30	
6.4	Báo cáo trễ hạn nội dung chưa đạt yêu cầu	10	
6.5	Không báo cáo	0	